

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/DS-PT

Ngày: 31- 01-2018

V/v Tranh chấp về dân sự - hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Phương.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2017/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2017, về việc “Tranh chấp về dân sự - hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1939 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, khóm H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, khóm H, thị trấn C, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Phan Thị L là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Vào khoảng tháng 10 năm 2010 ông Thời có cho bà Phan Thị L vay 100.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 24k, không có làm biên nhận, không có thỏa

thuận thời hạn trả, lãi suất 2.000.000đ/tháng, mục đích vay là xây dựng, sửa chữa nhà ở, bà L có làm tờ tường trình ngày 25/8/2015 tại Ban nhân dân khóm H thừa nhận có nợ ông T số tiền trên và có trả lãi được 4 tháng = 8.000.000 đồng. Trước đây ông T có khởi kiện, Tòa án hòa giải bà L đồng ý trả 5 chỉ vàng 24k. Đối với 100.000.000 đồng bà L nợ, thì ông rút lại chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay ông T yêu cầu bà L trả số tiền vốn 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Phan Thị L trình bày:

Bà L không thừa nhận có vay của ông T số tiền 100.000.000đ, mà bà chỉ có vay của ông T 05 chỉ vàng 24kr và đã được Tòa án Châu Thành giải quyết và trả xong số vàng trên. Tại biên bản hòa giải khóm H bà có hứa trả mỗi tháng 500.000 đồng là của số vàng chứ không phải số tiền vay 100.000.000 đồng. Đối với tờ tường trình ngày 25/8/2015 là do bà nhờ ông Võ Văn L1 viết giùm, ông L1 có đọc lại cho bà nghe, bà nghe không rõ nên bà không biết tờ tường trình này có ghi thêm số tiền 100.000.000 đồng, nhưng bà thừa nhận có ký tên vào tờ tường trình ngày 25/8/2015. Bà L không thừa nhận có vay của ông T 100.000.000 đồng và không đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng theo yêu cầu của ông T.

Bản án sơ thẩm số 43/2017/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn T.
- Buộc bà Phan Thị L phải trả cho ông Trần Văn T số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng.
- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Văn T mà bà Phan Thị L chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị L phải nộp 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn T được nhận lại số tiền 4.125.000đ theo biên lai thu số 11805 ngày 22/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2017 bà L kháng cáo: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số 43/2017/DSST, ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bà L trả 100.000.000 đ tiền vay.

Bà Phan Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho ông T tiền nợ 100.000.000đ như án sơ thẩm xử, vì bà không vay, chỉ chỉ cho ông T cho bà H vay.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa đều thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Năm 2010, ông T có cho bà Phan Thị L vay 100.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 24k, không có làm biên nhận. Đối với 5 chỉ vàng 24K, trước đây ông T có khởi kiện, Tòa án Châu thành hòa giải thành bà L đồng ý trả 5 chỉ vàng 24k. Đối với 100.000.000 đồng bà L còn nợ bà L nói là giới thiệu cho chị H vay, chị H không biết địa chỉ ở đâu, chờ tìm địa chỉ nên ông T rút yêu cầu, nay ông T yêu cầu bà L trả số tiền này, không yêu cầu tính lãi.

[2]. Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông T là tại biên bản hòa giải H ngày 19/9/2016 bà L có hứa trả mỗi tháng 500.000đ và tờ tường trình ngày 25/8/2015 bà L thừa nhận có nhận của ông T 100.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 24k để cho bà H vay. Lời khai của những người dự hòa giải và ông L1 người viết dùm tờ tường trình cho bà L cũng xác định đúng là bà L có thừa nhận nhận tiền vay 100.000.000 đồng của ông T.

[3]. Đối với lời trình bày của bà L cho là tờ tường trình ngày 25/8/2015 do ông Võ Văn L1 viết giùm khi đọc lại, bà nghe không rõ, bà chỉ giới thiệu ông T cho bà H vay 100.000.000 đồng chỉ là lời khai nại, không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Trong khi nội dung tờ tường trình ghi nội dung rất rõ ràng là bà L nhận tiền 100.000.000đ và vàng 5 chỉ của ông T, bà L cho chị H vay lại số tiền 220.000.000 đồng, cho thấy bà L nhận tiền của ông T rồi sử dụng chung với tiền của bà L, bà L xác lập hợp đồng vay trực tiếp với bà H, trong biên bản hòa giải ngày 19/9/2016 thì ghi rõ ý kiến bà L hứa trả 500.000 đồng và 4 chỉ vàng hàng tháng (thời điểm này số nợ vàng đã có quyết định của Tòa án) bên ông T thì không biết mặt và địa chỉ chị H, không có chứng cứ chứng minh ông T giao dịch với chị H, bà L thì biết đọc, biết viết đầy đủ chữ nghĩa, bà đã ký tên tờ tường trình và biên bản hòa giải thì bà biết rõ nội dung này, cho nên buộc bà L phải chịu trách nhiệm số tiền này đối với ông T theo giao dịch hợp đồng vay quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 là phù hợp thỏa đáng.

[4]. Về tiền lãi: Tổng tiền lãi ông T đã nhận là 8.000.000đ trong tổng thời gian vay từ năm 2010 đến ngày xét xử sơ thẩm là 29/9/2017 là ít hơn số tiền lãi mà ông T được hưởng theo mức lãi quy định của pháp luật, nhưng nay ông T

không yêu cầu bà L trả lãi thêm là có lợi cho bà L, vậy nên Hội đồng xét xử không phải đặt vấn đề xem xét và phán quyết.

[5]. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Liên, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ được chấp nhận.

[6]. Từ những tình tiết, nội dung nhận định trên, có đủ cơ sở kết luận nội dung yêu cầu kháng cáo của bà L không có chứng cứ chứng minh nào khác so với án sơ thẩm, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông T buộc bà L trả cho ông T 100.000.000 đồng là có cơ sở, cần được giữ nguyên.

[7]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

[8]. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005, Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/12/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2017/DSST, ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T đối với bà Phan Thị L. Buộc bà Phan Thị L trả cho ông Trần Văn T số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi của khoản tiền chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị L phải nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Ông Trần Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 4.125.000đ (Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 11805 ngày 22/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Thị L phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 12223, ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành (bà L đã nộp xong).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV-THA TAND Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Phương